

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K4 NĂM 2014

Tháng 11 năm 2014

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.500*10%)	Thành tiền	Ký nộp
101	8	461	478	17	12.650	215.050	
102	8	494	510	16	12.650	202.400	
103	8	271	281	10	12.650	126.500	
104	8	394	407	13	12.650	164.450	
105	8	410	418	8	12.650	101.200	
106	8	399	417	18	12.650	227.700	
107	PSHC					0	
108						0	
109	8	403	421	18	12.650	227.700	
110	8	356	381	25	12.650	316.250	
111	8	585	608	23	12.650	290.950	
112	8	408	419	11	12.650	139.150	
113	8	430	453	23	12.650	290.950	
114	8	328	347	19	12.650	240.350	
201	8	417	435	18	12.650	227.700	
202	8	537	558	21	12.650	265.650	
203	8	529	553	24	12.650	303.600	
204	8	781	793	12	12.650	151.800	
205	8	470	485	15	12.650	189.750	
206	8	527	544	17	12.650	215.050	
207	8	447	482	35	12.650	442.750	
208	8	602	620	18	12.650	227.700	
209	8	591	609	18	12.650	227.700	
210	1 Campuchia	954	986	32	12.650	404.800	
211	8	498	520	22	12.650	278.300	
212	1 Campuchia	509	527	18	12.650	227.700	
213	8	571	594	23	12.650	290.950	
214	1 Campuchia	939	971	32	12.650	404.800	
301	0	454			12.650	0	
302	8	587	602	15	12.650	189.750	
303	8	555	569	14	12.650	177.100	
304	8	450	458	8	12.650	101.200	
305	8	401	427	26	12.650	328.900	
306	8	470	486	16	12.650	202.400	
307	PSHC				12.650	0	
308					12.650	0	
309	8	508	527	19	12.650	240.350	
310	8	428	450	22	12.650	278.300	

311	8	452	476	24	12.650	303.600	
312	8	560	574	14	12.650	177.100	
313	8	590	610	20	12.650	253.000	
314	8	539	569	30	12.650	379.500	
401	8	401	422	21	12.650	265.650	
402	8	299	312	13	12.650	164.450	
403	8	454	472	18	12.650	227.700	
404	8	405	410	5	12.650	63.250	
405	8	411	433	22	12.650	278.300	
406	8	439	460	21	12.650	265.650	
407	8	367	388	21	12.650	265.650	
408	8	298	311	13	12.650	164.450	
409	8	453	481	28	12.650	354.200	
410	8	536	566	30	12.650	379.500	
411	8	502	525	23	12.650	290.950	
412	8	411	431	20	12.650	253.000	
413	8	438	460	22	12.650	278.300	
414	8	436	453	17	12.650	215.050	
501	8	277	283	6	12.650	75.900	
502	8	368	391	23	12.650	290.950	
503	8	332	349	17	12.650	215.050	
504	8	304	327	23	12.650	290.950	
505	8	286	303	17	12.650	215.050	
506	8	246	259	13	12.650	164.450	
507	8	296	303	7	12.650	88.550	
508	8	472	484	12	12.650	151.800	
509	8	237	258	21	12.650	265.650	
510	8	404	408	4	12.650	50.600	
511	8	243	245	2	12.650	25.300	
512	8	277	297	20	12.650	253.000	
513	8	261	273	12	12.650	151.800	
514	8	205	267	62	12.650	784.300	
Cộng	499			1.227		15.521.550	

(Bảng chữ: Mười năm triệu năm trăm hai mươi một nghìn năm trăm năm mươi đồng)

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



ThS. Ngô Xuân Hoà

TT DV TỔNG HỢP
TỔ KÝ TÚC XÁ



NGƯỜI ĐỌC SỐ



Dương Văn Thanh

NGƯỜI LẬP



Trần Thị Hà